TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THẠNH** TỈNH BÌNH ĐỊNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06/9/2018
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Biểu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đỗ Xuân Quang
2. Ông Lê Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Đào, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định *tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Kiều Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 38/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị C, sinh năm: 1988, địa chỉ: Thôn ĐT, thị trấn V, huyện VT, tỉnh Bình Định – Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm: 1979, địa chỉ: Thôn ĐT, thị trấn V, huyện VT, tỉnh Bình Định – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/4/2018, được bổ sung bằng bản tự khai ngày 02/5/2018, biên bản lấy lời khai ngày 23/7/2018, biên bản hòa giải ngày 14/6/2018 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Võ Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc D tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/4/2006 tại UBND xã VH, huyện VT, tỉnh Bình Định. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị cảm nhận anh D ngoại tình nhưng chị không có chứng cứ để chứng minh. Hiện tại vợ chồng chị vẫn chung sống với nhau, nhưng chị tự nhận thấy cuộc sống vợ chồng chán nản, mệt mỏi, chị mong muốn giải thoát khỏi cuộc hôn nhân với anh D, nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chồng là anh Nguyễn Ngọc D.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Ngọc D có 03 con chung, là các cháu: Nguyễn Thanh N (sinh ngày: 30/4/2006), Nguyễn Như N1 (sinh ngày: 08/12/2011), Nguyễn Thanh B (sinh ngày: 17/9/2016), hiện nay các cháu đang sống cùng với cha mẹ. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết: Khi ly hôn, cho chị được tiếp tục trực tiếp nuôi

cả 03 con chung, yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả 03 con chung định kỳ hàng tháng, mỗi cháu 1.000.000đ (Một triệu đồng) đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, về nợ chung: Ban đầu chị có nêu tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng trước khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị và anh D đã tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản nợ, nên tại phiên tòa hôm nay chị không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Trong bản tự khai ngày 04/5/2018, biên bản lấy lời khai các ngày 08/5/2018 và ngày 22/5/2018, giấy tự ghi ý kiến ngày 29/6/2018, biên bản hòa giải ngày 14/6/2018 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận về sự tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn, tình trạng hôn nhân của vợ chồng như chị C trình bày là đúng thực tế. Anh cho rằng mình không có lỗi, chỉ vì chị C bị tác động bởi lời người ngoài, nên đã không tin tưởng anh. Anh đã cố gắng tự hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị C không cho anh cơ hội. Nay chị C kiên quyết ly hôn anh, anh không chấp nhận ly hôn, anh mong muốn vợ chồng tiếp tục chung sống.

Về con chung: Anh xác nhận thông tin về các con chung như chị C đã trình bày là đúng. Nếu ly hôn, nay anh chấp nhận cho chị C được tiếp tục trực tiếp nuôi cả 03 con chung, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi cả 03 con chung định kỳ hàng tháng, mỗi cháu 1.000.000đ (Một triệu đồng) đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, về nợ chung: Anh thống nhất với ý kiến của chị C, tại phiên tòa hôm nay, anh không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Về ý kiến giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: *Về quan hệ hôn nhân:* Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh D; *Về con chung:* Ghi nhận sự tự nguyện của chị C và anh D về việc anh chị đều thống nhất giao cả 03 con chung cho chị C chăm sóc nuôi dưỡng, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; *Về tài sản chung:* Chị C và anh D tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết; *Về nợ chung:* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết trước khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Võ Thị C viết đơn khởi kiện ngày 26/4/2018 yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung với chồng là anh Nguyễn Ngọc D, nên Tòa án xác định quan hệ

pháp luật tranh chấp là: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"*, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn anh D cư trú tại huyện VT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng, đủ về thủ tục tố tụng, tạo điều kiện, đảm bảo quyền của đương sự tham gia tố tụng theo quy định. Các đương sự đều chấp hành nghiêm túc theo thông báo, triệu tập của Tòa án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của chị Võ Thị C và anh Nguyễn Ngọc D được xác lập kể từ khi anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 26/4/2006 tại UBND xã VH, huyện VT, tỉnh Bình Định. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng chị C và anh D hạnh phúc đến năm 2011 thì bắt đầu phát sinh những mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị C nghi ngờ anh D ngoại tình nhưng không cung cấp được chứng cứ. Trên thực tế, khi xảy ra mâu thuẫn, anh D có hành vi bạo lực (đánh) chị C. Cuộc sống hôn nhân bị thay đổi, nhưng hai vợ chồng không tích cực tìm giải pháp để dung hòa, dẫn đến việc tuy còn chung sống với nhau nhưng cả hai không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm đến nhau.

Tòa án đã tạo điều kiện về thời gian, mở phiên họp hòa giải để vợ chồng chị C và anh D có điều kiện đoàn tụ, nhưng kết quả không thành. Riêng anh D mong muốn đoàn tụ nhưng không thật sự thiện chí, không có giải pháp tích cực để hàn gắn tình cảm, khiến chị C không còn niềm tin để tiếp tục chung sống. Tại phiên tòa, chị C kiên quyết yêu cầu ly hôn anh D. Như vậy, có cơ sở chứng minh hôn nhân của chị C và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C.

[3]. Về con chung: Tại phiên tòa, chị C và anh D có sự tự nguyện thỏa thuận thống nhất: Khi ly hôn, giao cả 03 con chung, là cháu Nguyễn Thanh N (sinh ngày: 30/4/2006), Nguyễn Như N1 (sinh ngày: 08/12/2011), Nguyễn Thanh B (sinh ngày: 17/9/2016) cho chị C được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con; Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả 03 con chung, mỗi cháu 1.000.000đ (Một triệu đồng), hình thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 9 năm 2018 đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, có xem xét đến nguyện vọng của con chung (cháu N), mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng phù hợp với thu nhập thực tế hiện tại của anh D, đảm bảo được quyền lợi của con; Đồng thời đảm bảo theo luật định về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ sau khi ly hôn đối với con chung, là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4].Về tài sản chung, về nợ chung: Nay chị Võ Thị C và anh Nguyễn Ngọc D không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Võ Thị C phải chịu 300.000đ án

phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; Anh Nguyễn Ngọc D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng). Riêng chị C được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 8.487.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03552 ngày 27/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định, chị C được hoàn trả 8.187.000đ.

[6]. Với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị C, chị C được ly hôn anh Nguyễn Ngọc D.

- Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận tại phiên tòa của chị Võ Thị C và anh Nguyễn Ngọc D về việc thống nhất: Giao cả 03 con chung, là cháu Nguyễn Thanh N (sinh ngày: 30/4/2006), Nguyễn Như N1 (sinh ngày: 08/12/2011), Nguyễn Thanh B (sinh ngày: 17/9/2016) cho chị C được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con; Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả 03 con chung, mỗi cháu 1.000.000đ (Một triệu đồng), hình thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 9 năm 2018 đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi ly hôn, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu anh D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh D. Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Chị Võ Thị C và anh Nguyễn Ngọc D không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Võ Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; Anh Nguyễn Ngọc D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng).

Riêng chị C được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 8.487.000đ (Tám triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03552 ngày 27/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định, chị C được hoàn trả 8.187.000đ (Tám triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- CCTHADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn; (UBND xã VH, VT, Bình Định)
- P.KTNV và THA - TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Biểu